

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT:

**“Xuất khẩu cà phê dự kiến diễn biến tích cực hơn
trong những tháng cuối năm”**

Thuộc nhiệm vụ:

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại.**

Hà Nội, tháng 8/2026

TÓM TẮT:

Bài viết: “Xuất khẩu cà phê dự kiến diễn biến tích cực hơn trong những tháng cuối năm”

Theo Cơ quan Nông nghiệp Nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA-FAS), nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ 2026/27 được dự báo tăng mạnh, đạt kỷ lục 189,7 triệu bao, tăng 10,8 triệu bao so với niên vụ trước, nhờ sản lượng cao tại Brazil, Ethiopia và Việt Nam, qua đó bù đắp sự sụt giảm tại Ấn Độ và Indonesia. Sản lượng tăng kéo theo xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu dự kiến đạt 131,4 triệu bao, trong khi tiêu thụ cũng lập kỷ lục 179,7 triệu bao, với EU và Hoa Kỳ là những khu vực có mức tăng tiêu thụ đáng kể. Nguồn cung dồi dào đã tạo áp lực lên giá, khiến giá cà phê toàn cầu trong 7 tháng đầu năm 2026 giảm khoảng 25%. Dự báo hiện tượng El Niño sẽ mạnh lên và có thể phát triển thành một siêu El Niño (Super El Niño) vào cuối năm 2026, gây ra lo ngại về những tác động tiêu cực đối với niên vụ cà phê trong năm.

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 5,45 tỷ USD, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2025; Sản lượng đạt 1,20 triệu tấn, tăng 10,4%. Xu hướng đang dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng tại thị trường Nhật Bản và giảm dần tỷ trọng ở một số thị trường như Hoa Kỳ, Tây Ban Nha. Tính riêng trong tháng 7/2026, kim ngạch và sản lượng xuất khẩu đều tăng so với tháng 6/2026 và tháng cùng kỳ năm 2025, cụ thể sản lượng đạt 147,89 nghìn tấn, tăng 17% so với tháng 6/2026 và tăng mạnh 44,4% so với tháng 7/2025; Kim ngạch đạt 642,54 triệu USD, tăng 9,7% so với tháng 6/2026 và tăng 14,99% so với tháng 7/2025.

Về thị trường: Đức dẫn đầu và tiếp tục là thị trường xuất khẩu cà phê trọng điểm của Việt Nam. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 719,13 triệu USD, giảm 17,42% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 13,19% trong cơ cấu thị trường chung; Sản lượng đạt 177,91 nghìn tấn, tăng 11,91%. Hiện Đức chủ yếu nhập khẩu cà phê Robusta từ Việt Nam, chủ yếu cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến và phối trộn. Do đó, doanh nghiệp cần tích cực phát triển hơn nữa dòng cà phê chất lượng cao để tăng sự hiện diện trực tiếp tại các

cửa hàng cao cấp của Đức. Hiện nay, quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) đang gây ra những áp lực lớn đối với doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam. Đối với thị trường Italia và nhiều thị trường khác trong khu vực EU, chính sách này không chỉ đơn thuần là một thủ tục hành chính. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê vào các thị trường này phải nộp Tuyên bố thẩm định (Due Diligence Statement - DDS) trên hệ thống TRACES của EU, đồng thời xuất trình được bằng chứng tuân thủ luật pháp quốc gia sở tại (bao gồm quyền sử dụng đất, luật lao động và quy định thuế). Đáng chú ý, xuất khẩu sang một số thị trường thuộc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương bất tăng mạnh mẽ so với các thị trường khác, điển hình như Australia và Trung Quốc. Xuất khẩu sang các thị trường này đều tăng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Về cơ cấu chủng loại: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, *cà phê Robusta* chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu các chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2026 với kim ngạch đạt gần 4 tỷ USD, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2025; Sản lượng đạt 1,01 triệu tấn, tăng 11,4%. Xếp ở vị trí thứ hai là *Cà phê chế biến*, với kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 1,06 tỷ USD, tăng 4,3% so với 7 tháng đầu năm 2025. Ngoài hai mặt hàng trên, trong 7 tháng đầu năm 2026, Việt Nam cũng xuất khẩu một số mặt hàng khác như *cà phê Arabica*, *cà phê Excelsa*.

Dự báo, trong quý IV/2026, xuất khẩu cà phê sẽ tiếp tục diễn biến tích cực, nhưng kim ngạch có thể tăng chậm hơn lượng và phụ thuộc khá lớn vào diễn biến giá cà phê thế giới. Quý IV thường trùng với thời điểm Việt Nam bắt đầu bước vào vụ thu hoạch cà phê mới, do đó nguồn hàng sẽ dần được bổ sung sau giai đoạn nguồn cung trong nước suy giảm. Đây là yếu tố thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu những tháng cuối năm. Bên cạnh các thị trường truyền thống tại EU, doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần đẩy mạnh khai thác các thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Australia hay một số thị trường tại khu vực châu Á.

NỘI DUNG BÀI VIẾT:

Diễn biến thị trường cà phê toàn cầu

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA-FAS), sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2026/27 được dự báo sẽ tăng 10,8 triệu bao so với năm 2025, đạt mức kỷ lục 189,7 triệu bao, nhờ sản lượng đạt mức cao nhất từ trước đến nay tại Brazil, Ethiopia, Việt Nam..., bù đắp cho sự sụt giảm sản lượng tại Ấn Độ và Indonesia. Nhờ sự gia tăng sản lượng này, xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu được dự báo sẽ tăng 11,9 triệu bao, đạt mức kỷ lục 131,4 triệu bao. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến sẽ tăng lên mức kỷ lục 179,7 triệu bao, với mức tăng mạnh nhất ghi nhận tại khu vực EU và Hoa Kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, giá cà phê toàn cầu giảm 25% do nguồn cung tăng thêm (theo chỉ số giá tổng hợp hàng tháng của Tổ chức Cà phê Quốc tế - ICO).

+ Việt Nam: Sản lượng được dự báo sẽ tăng 800 nghìn bao, đạt mức kỷ lục 32,5 triệu bao nhờ mở rộng diện tích và năng suất cao hơn. Xuất khẩu cà phê nhân dự kiến tăng 300 nghìn bao lên 25,4 triệu bao nhờ nguồn cung dồi dào hơn; Tiêu thụ nội địa được kỳ vọng sẽ đạt mức kỷ lục 5,0 triệu bao.

+ Trung Mỹ và Mexico: Sản lượng được dự báo tăng gần 600 nghìn bao lên 17,7 triệu bao nhờ sự phục hồi tại khu vực Costa Rica, Guatemala, Honduras, Mexico và Panama. Sản lượng tại Honduras dự kiến sẽ đóng góp phần lớn vào mức tăng trưởng của khu vực, lên tới 6,0 triệu bao nhờ mở rộng diện tích và điều kiện canh tác thuận lợi. Việc tăng xuất khẩu cà phê nhân từ các quốc gia này được kỳ vọng sẽ giúp tổng lượng xuất khẩu của khu vực đạt 14,0 triệu bao.

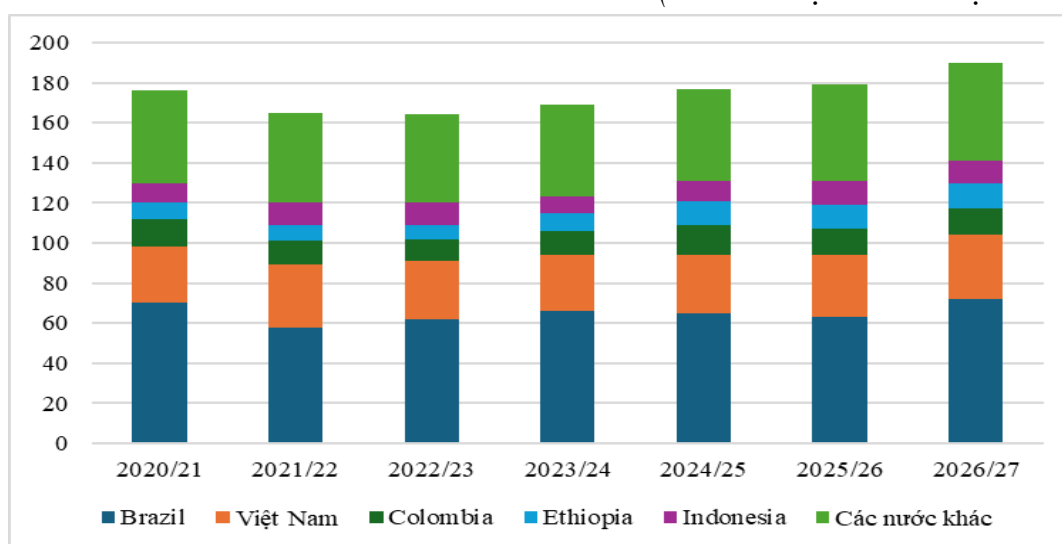
+ Ethiopia: Sản lượng được dự báo sẽ tăng hơn 500 nghìn bao, đạt mức kỷ lục 12,1 triệu bao nhờ diện tích và năng suất đều tăng. Trong 4 năm qua, sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào việc thay thế hơn một nửa diện tích canh tác cũ bằng các giống cà phê cho năng suất cao hơn. Xuất khẩu cà phê nhân được dự báo tăng lên 7,1 triệu bao.

+ Indonesia: Sản lượng tại Indonesia được dự báo giảm xuống còn 11,4 triệu bao. Sản lượng cà phê Robusta dự kiến giảm xuống 10,0 triệu bao do năng suất

thấp hơn. Lượng mưa quá lớn đã gây ảnh hưởng đến quá trình ra hoa và hình thành quả tại các vùng đất thấp ở Nam Sumatra và Java – nơi tập trung khoảng 75% diện tích trồng cà phê của cả nước.

Biểu đồ 1: Sản lượng cà phê toàn cầu tại một số nguồn cung qua các niên vụ

(ĐVT: Triệu bao - loại 60 kg/bao)



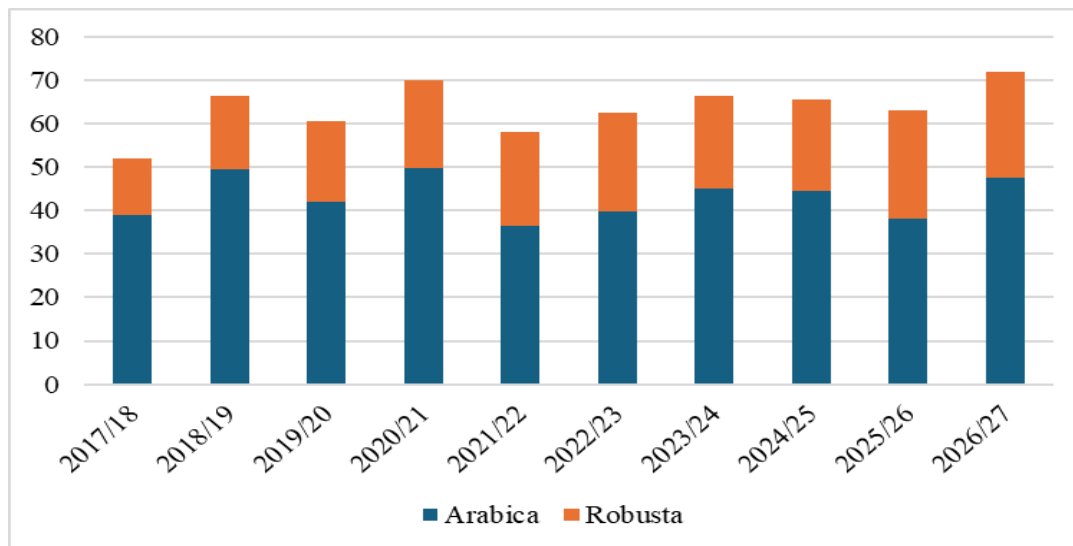
Nguồn: USDA-FAS

+ Brazil chiếm gần 40% sản lượng cà phê toàn cầu và có ảnh hưởng lớn đến nguồn cung cũng như giá cả cà phê thế giới. Cà phê Arabica của nước này giữ vai trò đặc biệt quan trọng khi cung cấp từ 40% đến 50% sản lượng, tùy thuộc vào chu kỳ sinh trưởng của cây cà phê. Tháng 7/2026, nguồn cung cho thị trường cà phê toàn cầu dồi dào hơn khi Brazil bước vào vụ thu hoạch, điều này tạo kỳ vọng nguồn cung Arabica trong ngắn hạn, qua đó gây áp lực lên giá. Tuy nhiên, tiến độ và chất lượng thu hoạch cũng bị ảnh hưởng khi mưa lớn tại một số vùng trồng cà phê của Brazil (đặc biệt là tại vùng Đông Nam, Minas Gerais) đã làm chậm quá trình thu hoạch và phơi sấy.

Dự báo, tổng sản lượng thu hoạch cà phê Arabica và Robusta của Brazil sẽ tăng 8,9 triệu bao (loại 60 kg), đạt mức kỷ lục 71,9 triệu bao trong niên vụ 2026/27. Sản lượng Arabica dự kiến sẽ phục hồi mạnh, tăng 9,5 triệu bao lên mức 47,5 triệu bao, trong khi đó sản lượng Robusta giảm 600 nghìn bao xuống còn 24,4 triệu bao sau khi đạt mức kỷ lục vào năm 2025.

Biểu đồ 2: Sản lượng cà phê Arabica và Robusta của Brazil qua các niên vụ

(ĐVT: Triệu bao - loại 60 kg/bao)



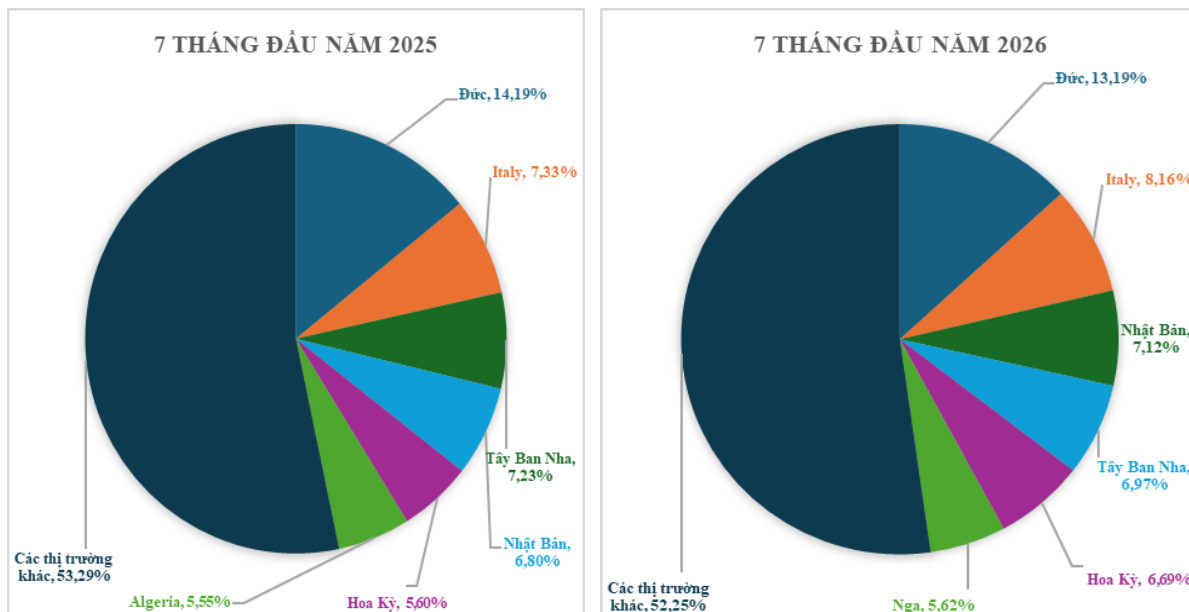
Nguồn: USDA-FAS

Trong những tháng cuối năm 2026, hiện tượng El Niño dự kiến sẽ mạnh lên và có thể phát triển thành một siêu El Niño (Super El Niño), gây ra lo ngại về những tác động tiêu cực đối với vụ cà phê niên vụ 2026/27. Đối với Robusta, nguồn cung hiện tại từ Việt Nam và Indonesia – hai quốc gia sản xuất hàng đầu, chưa bị ảnh hưởng đáng kể, song triển vọng vụ tới dự kiến sẽ đối mặt rủi ro khi tình hình nắng nóng diễn biến bất lợi. Đây là yếu tố có thể hạn chế nguồn cung và hỗ trợ giá Robusta trong những tháng cuối năm 2026, đầu năm 2027.

Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2026

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1,20 triệu tấn, trị giá 5,45 tỷ USD. So với cùng kỳ năm 2025, lượng xuất khẩu tăng 10,4%, trong khi kim ngạch giảm 11,2%. Trong đó, cơ cấu thị trường không có nhiều thay đổi, nhóm 6 thị trường xuất khẩu cà phê chủ lực vẫn chiếm gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xu hướng đang dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng tại thị trường Nhật Bản và giảm dần tỷ trọng ở một số thị trường như Hoa Kỳ, Tây Ban Nha. Ngoài ra, ghi nhận sự thay đổi về thứ hạng khi Nga vượt qua Algeri để vươn lên vị trí thứ 6 trong số các thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam.

Biểu đồ 3: Nhóm 6 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm giai đoạn 2025 – 2026 (Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tính riêng tháng 7/2026, xuất khẩu cà phê tăng cả về lượng và kim ngạch so với tháng 6/2026 và cùng kỳ năm 2025, lượng xuất khẩu đạt 147,89 nghìn tấn, tăng 17% so với tháng 6/2026 và tăng 44,4% so với tháng 7/2025; Kim ngạch đạt 642,54 triệu USD, tăng 9,7% so với tháng 6/2026 và tăng 15,0% so với tháng 7/2025.

Cơ cấu thị trường:

+ **Thị trường Đức:** Đức tiếp tục là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 7/2026, kim ngạch và sản lượng xuất khẩu cà phê sang thị trường này đều tăng đáng kể cả về lượng và trị giá so với tháng trước và tháng 7/2025. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 67,57 triệu USD, tăng 22,81% so với tháng 6/2026 và tăng mạnh 43,06% so với tháng 7/2025; Sản lượng đạt 17,83 nghìn tấn, tăng 24,2% so với tháng 6/2026 và tăng rất mạnh 87,03% so với tháng 7/2025. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 719,13 triệu USD, giảm 17,42% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 13,19% trong tổng xuất khẩu tới các thị trường; Sản lượng đạt 177,91 nghìn tấn, tăng 11,91% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Đức, đây là thị trường có quy mô tiêu thụ rất lớn, người Đức tiêu thụ trung bình khoảng 167 lít cà phê/người/năm và nước này có khoảng 2.500 doanh nghiệp rang xay cà phê. Theo Chủ tịch Hiệp hội cà phê rang xay tại Đức, hiện Đức nhập khẩu rất nhiều cà phê từ Việt Nam, trong đó chủ yếu là Robusta. Cà phê nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu cung cấp cho các nhà sản xuất công nghiệp, ít tiếp cận đến các nhà chế biến cà phê thủ công của Đức. Doanh nghiệp Việt Nam cần tích cực phát triển hơn nữa dòng cà phê chất lượng cao để tăng sự hiện diện trực tiếp tại các cửa hàng cà phê/đồ uống cao cấp của Đức.

+ **Thị trường Italia:** Xếp ở vị trí thứ hai là thị trường Italia, xuất khẩu cà phê sang Italia ghi nhận mức tăng về lượng nhưng giảm nhẹ về trị giá, với kim ngạch xuất khẩu đạt 444,66 triệu USD, giảm 1,25%, trong khi sản lượng đạt 110,79 nghìn tấn, tăng đáng kể 30,21%. Tính riêng trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Italia đạt 62,20 triệu USD, tăng 31,47% so với tháng 6/2026 và tăng mạnh 51,16% so với tháng 7/2025; Sản lượng đạt 16,15 nghìn tấn, tăng 30,03% so với tháng 6/2026 và tăng rất mạnh 99,6% so với tháng 7/2025.

Năm 2026, Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) chính thức bước sang giai đoạn thực thi cao điểm đối với các doanh nghiệp nhập khẩu quy mô vừa và lớn (hạn cuối hoàn tất tuân thủ toàn diện vào cuối tháng 12/2026). Đối với thị trường Italia – một trong những trung tâm rang xay và tiêu thụ cà phê lớn nhất châu Âu – chính sách này không chỉ đơn thuần là một thủ tục hành chính. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân và cà phê chế biến vào Italia phải nộp Tuyên bố thẩm định (Due Diligence Statement - DDS) trên hệ thống TRACES của EU. Yêu cầu kỹ thuật cốt lõi là mỗi lô hàng phải đi kèm dữ liệu định vị địa lý chính xác đến từng thửa đất (đa giác polygon đối với diện tích trên 4 hecta hoặc điểm tọa độ trung tâm đối với diện tích nhỏ hơn), chứng minh tuyệt đối diện tích trồng không bị tác động bởi nạn phá rừng hoặc suy thoái rừng sau mốc 31/12/2020. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải xuất trình được bằng chứng tuân thủ luật pháp quốc gia sở tại (bao gồm quyền sử dụng đất, luật lao động và quy định thuế)¹.

¹ Tham khảo tại: <https://thitruongnuocngoai.moit.gov.vn/canh-bao-thi-truong/thuc-thi-quy-dinh-eudr-tai-thi-truong-italia-tac-dong-va-chien-luoc-thich-ung-cho-nganh-ca-phe-viet-nam>

+ Kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường thuộc khu vực châu Á tăng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2025, điển hình như Trung Quốc, Ấn Độ và Campuchia. Trong khi xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường truyền thống đều ghi nhận sự sụt giảm về trị giá thì thị trường mới nổi trong ngành cà phê như Trung Quốc lại tăng đến 72,73% so với cùng kỳ năm 2025, với kim ngạch xuất khẩu đạt 251,42 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,61%.

Theo báo cáo "Phát triển cà phê đô thị Trung Quốc năm 2026", Thượng Hải là trung tâm tiêu dùng cà phê lớn nhất cả nước. Tính đến cuối năm 2025, tại thành phố này đã có 10.336 cửa hàng cà phê, tăng thêm 1.221 cửa hàng so với năm 2024; quy mô thị trường đạt khoảng 53 tỉ USD, tăng 13,3% so với năm trước; Mức tiêu thụ bình quân đầu người tăng từ 16,74 cốc trong năm 2023 lên 28,57 cốc trong năm 2025. Người Trung Quốc có xu hướng thích các loại cà phê đặc sản, bên cạnh đó, xu hướng kết hợp cà phê với nguyên liệu truyền thống phương Đông, điển hình là cà phê pha trà hoặc hương nhài cũng rất phổ biến. Đây là một hướng đi mới cho doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đẩy mạnh tìm hiểu thông tin, khai thác thị trường và nắm bắt thị hiếu tiêu dùng để có bước phát triển phù hợp.

+ Australia là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê rất phát triển, với văn hoá thưởng thức cà phê phổ biến tại các thành phố lớn như Sydney hay Melbourne. Trong 7 tháng đầu năm 2026, Australia trở thành một trong những thị trường xuất khẩu cà phê nổi bật nhất của Việt Nam, với sản lượng đạt 15,11 nghìn tấn, tăng mạnh 85,13% so với cùng kỳ năm 2025; Kim ngạch đạt 75,44 triệu USD, tăng 48,85%, chiếm tỷ trọng 1,38%. Australia nhập khẩu cà phê từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tuy nhiên trong thời gian gần đây, nước này đã tăng lượng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, Ấn Độ... và giảm nhập khẩu từ Brazil, Papua New Guinea, Colombia ...

Xu hướng tiêu dùng cà phê của người Australia là các dòng đặc sản, ưu tiên cà phê hữu cơ, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và thân thiện với môi trường. Đây là yếu tố tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chú trọng hơn đến chất lượng, tính minh bạch và phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng. Ngoài ra, xu hướng pha cà phê

tại nhà cũng ngày càng phổ biến tại nước này, thúc đẩy nhu cầu đối với dòng cà phê viên nén, cà phê hòa tan cao cấp và các sản phẩm tiện lợi; Cà phê sẵn và cà phê ủ lạnh cũng được dự báo tiếp tục mở rộng trong những năm tới. Dự báo trong giai đoạn 2026 – 2034, mức tiêu thụ cà phê tại thị trường này sẽ tiếp tục tăng nhờ vào lối sống hiện đại và nhu cầu ngày càng cao với các dòng cà phê chất lượng cao.

+ Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang thị trường Ấn Độ trong 7 tháng qua ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất so với các thị trường khác, với kim ngạch đạt 63,02 triệu USD, tăng 314,53%; Sản lượng đạt 15,80 nghìn tấn, tăng 422,35%.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu cà phê tới thị trường Romania ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất trong 7 tháng đầu năm 2026, cụ thể kim ngạch đạt 3,56 triệu USD, giảm 77,15%; Sản lượng đạt 608 tấn, giảm 76,39%. Kim ngạch xuất khẩu cà phê tới thị trường này chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

Bảng 1: Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 7/2026 và 7 tháng đầu năm 2026

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Nghìn USD; Tỷ trọng tính theo trị giá)

Thị trường	Tháng 7/2026		So với tháng 6/2026 (%)		So với tháng 7/2025 (%)		7 tháng đầu năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)		Tỷ trọng (%)
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	
Tổng XK	147.890	642.535	17	9,7	44,4	14,99	1.197.363	5.450.377	10,4	-11,2	100,00
Đức	17.833	67.569	24,2	22,81	87,03	43,06	177.907	719.131	11,91	-17,42	13,19
Italy	16.150	62.203	30,03	31,47	99,6	51,16	110.789	444.661	30,21	-1,25	8,16
Nhật Bản	8.378	42.801	-40,49	-33,82	30,99	12,04	78.218	388.241	17,52	-7,03	7,12
Tây Ban Nha	10.532	46.408	12,65	8,13	40,26	16,76	85.852	379.915	11,43	-14,35	6,97
Hoa Kỳ	13.676	53.173	84,09	65,46	725,35	398,28	84.946	364.420	36,45	5,95	6,69
Nga	7.874	33.454	5,89	11,98	28,12	-8,61	67.233	306.071	26,41	1,74	5,62
Algeria	12.154	48.739	231,44	214,4	31,38	3,81	72.224	305.912	9,34	-10,26	5,61
Trung Quốc	5.181	25.019	-26,44	-49,22	50,79	47,25	44.004	251.417	49,43	72,73	4,61
Bỉ	7.916	30.297	86,04	87,76	160,82	123,86	52.469	221.742	40,09	11,59	4,07
Hà Lan	4.566	20.856	117,74	116,22	9,73	-11,83	39.710	196.678	-6,38	-20,45	3,61
Thái Lan	3.314	23.386	-15,85	-22,32	3,98	-7,58	23.874	178.376	-3,87	-7,02	3,27
Philippines	3.858	22.922	-11,68	-7,25	93	54,71	31.883	176.470	14,42	-11,59	3,24
Anh	1.907	9.895	-14,68	-25,21	-34,83	-45,63	24.016	132.147	-0,25	-9,87	2,42

Thị trường	Tháng 7/2026		So với tháng 6/2026 (%)		So với tháng 7/2025 (%)		7 tháng đầu năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)		Tỷ trọng (%)
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	
Malaysia	2.151	10.270	-9,7	-14,1	-37,6	-46,26	21.340	106.684	-14,74	-26,7	1,96
Indonesia	1.683	11.195	-15,21	-15,56	1,14	-26,93	14.582	99.084	-22,66	-23,93	1,82
Ba Lan	1.516	10.220	0,53	-0,05	11,06	-2,86	15.600	95.992	19,11	-5,8	1,76
Hàn Quốc	3.436	15.526	49,26	36,13	42,75	37,43	20.355	95.510	-26,94	-31,93	1,75
Mexico	1.279	4.672	-56,51	-56,9	-76,13	-80,45	24.292	89.164	-26,02	-48,24	1,64
Pháp	1.643	6.313	21,97	22,74	-19,5	-37,5	17.834	81.636	20,3	-0,99	1,50
Australia	2.122	10.459	56,61	41,15	18,81	1,25	15.114	75.439	85,13	48,85	1,38
Ấn Độ	1.394	5.705	-31,43	-22,72	171,21	132,42	15.796	63.018	422,35	314,53	1,16
Ai Cập	1.132	4.394	-8,34	-3,01	-19,32	-33,11	13.457	53.264	49,32	14,98	0,98
Bồ Đào Nha	1.047	4.035	-13,47	-16,17	-18,39	-34,04	9.040	36.939	1,12	-20,8	0,68
Israel	826	5.125	26,49	37,97	10,28	35,98	5.743	32.045	11,36	-8,22	0,59
Hy Lạp	654	2.969	-0,61	8,47	71,65	50,13	6.860	28.268	24,64	-4,24	0,52
Campuchia	640	2.386	22,61	7,48	-10,24	-12,74	6.627	23.691	197,04	139,8	0,43
Canada	413	1.825	-19,02	-18,97	119,68	67,84	4.807	21.050	-31,14	-45,7	0,39
Nam Phi	140	498	-69,57	-71,02	125,81	100,73	4.256	16.894	66,71	22,48	0,31
New Zealand	156	825	60,82	13,23	57,58	37,62	1.347	6.809	314,46	195,31	0,12
Singapore	159	1.323	6,71	11	62,24	56,64	818	6.309	30,05	21,01	0,12
Đan Mạch	216	795			928,57	970,34	1.368	5.422	11,4	-17,44	0,10
Chile	156	876	102,6	169	69,57	40,83	1.032	5.363	1,08	-17,62	0,10
Romania	141	1.007	42,42	177,18	-58,04	-42,56	608	3.560	-76,39	-77,15	0,07
Lào	25	158	-16,67	-24,32	56,25	8,61	148	975	20,33	10,4	0,02

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng cà phê của Việt Nam:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, *cà phê Robusta* chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu các chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam 7 tháng đầu năm 2026 với kim ngạch đạt gần 4 tỷ USD, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2025; Sản lượng đạt 1,01 triệu tấn, tăng 11,4%. Tính riêng trong tháng 7/2026, xuất khẩu *cà phê Robusta* ghi nhận mức tăng cả về lượng và trị giá so với tháng 6/2026 và tháng cùng kỳ năm 2025, với kim ngạch đạt 475,32 triệu USD, tăng 16,5% so với tháng 6/2026 và tăng 21,3% so với tháng 7/2025; Sản lượng đạt 125,87 nghìn tấn, tăng 20,7% so với tháng 6/2026 và tăng mạnh 52,4% so với tháng 7/2025.

Xếp ở vị trí thứ hai là *Cà phê chế biến*, với kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 1,06 tỷ USD, tăng 4,3% so với 7 tháng đầu năm 2025. Tính riêng trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu *Cà phê chế biến* đạt 150,63 triệu USD, giảm nhẹ 1,5% so với tháng 6/2026, nhưng tăng 2,3% so với tháng 7/2025.

Ngoài hai mặt hàng trên, trong 7 tháng đầu năm 2026, Việt Nam còn xuất khẩu một số mặt hàng khác như *cà phê Arabica*, *cà phê Excelsa*. Trong khi kim ngạch và sản lượng xuất khẩu phần lớn mặt hàng sang các thị trường đều ghi nhận mức giảm thì *cà phê Excelsa* lại ghi nhận mức tăng cả về lượng và trị giá, với sản lượng đạt 985 tấn, tăng mạnh 83,2%; Kim ngạch đạt 4,34 triệu USD, tăng 44,1%.

Bảng 2: Chủng loại xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 7/2026 và 7 tháng đầu năm 2026

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Nghìn USD)

Chủng loại	Tháng 7/2026		So với tháng 6/2026 (%)		So với tháng 7/2025 (%)		7 tháng đầu năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Robusta	125.871	475.315	20,7	16,5	52,4	21,3	1.007.901	3.996.917	11,4	-15,4
Arabica	2.843	15.809	-32,3	-33,4	1,6	-17,7	58.456	387.701	-1,4	-1,5
Cà phê Excelsa	190	782	1,4	-4,6	104,0	65,3	985	4.338	83,2	44,1
Cà phê chế biến		150.630		-1,5		2,3		1.061.421		4,3

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Đánh giá triển vọng:

Dự báo, trong quý IV/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tiếp tục diễn biến tích cực, nhưng kim ngạch có thể tăng chậm hơn lượng và phụ thuộc khá lớn vào diễn biến giá cà phê thế giới. Quý IV thường trùng với thời điểm Việt Nam bắt đầu bước vào vụ thu hoạch cà phê mới, do đó nguồn hàng sẽ dần được bổ sung sau giai đoạn nguồn cung trong nước suy giảm. Đây là yếu tố thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu những tháng cuối năm.

Các thị trường thuộc EU tiếp tục là khu vực xuất khẩu cà phê quan trọng nhất của Việt Nam, trong đó nổi bật là những thị trường truyền thống như Đức, Italia và

Tây Ban Nha. Điểm đáng chú ý trong thời gian tới là xu hướng mở rộng sang các thị trường ngoài châu Âu, đặc biệt tại châu Á. Đây là hướng đi có ý nghĩa trong bối cảnh ngành cà phê cần đa dạng hóa thị trường và giảm sự phụ thuộc tương đối vào EU. Xuất khẩu tới các thị trường châu Á có lợi thế về khoảng cách địa lý, chi phí logistics và sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ cà phê, đồng thời thị trường Trung Quốc đang mở ra dư địa đáng kể cho ngành cà phê Việt Nam. Thị trường này được đánh giá là một trong những điểm đến có tiềm năng tăng trưởng cao đối với ngành. Ngoài ra, Australia cũng là một thị trường nổi bật trong xu hướng đa dạng hóa này. So với các thị trường châu Âu vốn có truyền thống nhập khẩu cà phê Việt Nam lâu năm, Australia lại gây ấn tượng bởi xu hướng tiêu dùng hiện đại và văn hóa cà phê phát triển tại các thành phố lớn. Điều này tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam mở ra một hướng đi mới cho dòng sản phẩm rang xay, hòa tan và sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Để giải quyết vấn đề về truy xuất nguồn gốc và tuân thủ quy định EUDR, các doanh nghiệp cà phê Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp. Trong đó, quan trọng nhất là việc xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa. Để thích ứng với EUDR, đẩy mạnh số hóa dữ liệu vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sẽ là yêu cầu ngày càng quan trọng đối với ngành cà phê Việt Nam. EUDR yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp thông tin về nguồn gốc và tọa độ địa lý của khu vực sản xuất, đồng thời chứng minh sản phẩm không liên quan đến phá rừng. Do đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về vùng trồng, kết nối thông tin từ nông hộ đến doanh nghiệp và gắn dữ liệu vùng nguyên liệu với từng lô hàng xuất khẩu sẽ giúp nâng cao khả năng truy xuất và kiểm soát rủi ro. Đặc biệt, trong bối cảnh sản xuất cà phê còn phân tán ở nhiều hộ nông dân, số hóa có thể trở thành công cụ quan trọng để chuyển từ quản lý nguồn nguyên liệu theo phương thức thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU.